**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

Môn học: **Toán**

Tên bài học: **Cộng hai số thập phân (t2)** ; Tiết: 49

Thời gian thực hiện: 14/11/2024

**I.Yêu cầu cần đạt**

* + HS thực hiện được phép cộng hai số thập phân, nhận biết được các tính chất của phép cộng các số thập phân.
	+ Vận dụng được các tính chất của phép cộng trong thực hành tính, giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép cộng các số thập phân.
	+ HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.

##### II.Đồ dùng dạy học

* **GV:** Các hình ảnh, bảng biểu có trong bài (nếu cần).
* HS sách giáo khoa, VBT

##### III.Các hoạt động dạy học chủ yếu

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** |
| **A.Hoạt động Mở đầu** |  |
| GV có thể cho HS hát múa tạo không khí lớp học vui tươi. | HS thực hiện theo hướng dẫn của GV. |
| **B. Hoạt động Luyện tập – Thực hành** |  |
| ***Luyện tập*** |  |
| **Bài 1:** |  |
| Hướng dẫn HS tìm hiểu bài và cách thực hiện.a) GV có thể vận dụng phương pháp nhómcác mảnh ghép để tổ chức cho HS thực hiện.– Sửa bài, GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày. | HS thực hiện.Bước 1: Nhóm lẻ 🡪 Cách 1 🡪 67,3 + 0,14Nhóm chẵn 🡪 Cách 2 🡪 0,14 + 67,3Bước 2: Nhóm chia sẻ 🡪 Chia sẻ và so sánhkết quả hai cách tính 🡪 Rút ra kết luận.67,3 + 0,14 = 67,440,14 + 67,3 = 67,44🡪 67,3 + 0,14 = 0,14 + 67,3 |
| – GV khái quát: Phép cộng các số thập phâncó tính chất giao hoán: |  |
| a + b = b + ab) Cách thức tiến hành tương tự câu a.GV có thể vận dụng phương pháp nhóm cácmảnh ghép để tổ chức cho HS thực hiện. | Vài HS lặp lại.HS thực hiện.Bước 1:Nhóm lẻ 🡪 Cách 1 🡪 (3,8 + 4,7) + 2,3Nhóm chẵn 🡪 Cách 2 🡪 3,8 + (4,7 + 2,3)Bước 2: Nhóm chia sẻ 🡪 Chia sẻ và so sánh |
| – Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày. | kết quả hai cách tính 🡪 Rút ra kết luận. (3,8 + 4,7) + 2,3 = 8,5 + 2,3 = 10,83,8 + (4,7 + 2,3) = 3,8 + 7 = 10,8🡪 (3,8 + 4,7) + 2,3 = 3,8 + (4,7 + 2,3) =10,8 |
| **–** GV khái quát: Phép cộng các số thập phâncó tính chất kết hợp:(a + b) + c = a + (b + c) | HS lặp lại. |
| **C. Hoạt động Vận dụng – Trải nghiệm** |  |
| **Bài 2:** | * HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**

yêu cầu: Tính bằng cách thuận tiện.* HS **thảo luận** nhóm đôi để **tìm** cách thực hiện: Vận dụng tính chất giao hoán và kết hợp 🡪 Tìm tổng của các cặp số có kết quả là số tự nhiên 🡪 Cộng tiếp để tìm giá trị của biểu thức.
* HS **làm** bài cá nhân.

a) 52,7 + 21,9 + 34,3 = (52,7 + 34,3) + 21,9= 87 + 21,9 = 108,9 |
|  | 1. 0,4 + 0,8 + 0,2 + 0,6

= (0,4 + 0,6) + (0,8 + 0,2) = 1 + 1 = 21. 4,82 + 1,18 + 5,67 = (4,82 + 1,18) + 5,67

= 6 + 5,67 = 11,671. 3,1 + 4,3 + 6,9 + 5,7

= (3,1 + 6,9) + (4,3 + 5,7) = 10 + 10 = 201. 3,1 + 4,3 + 6,9 + 5,7

= (3,1 + 6,9) + (4,3 + 5,7) = 10 + 10 = 20 |
| * Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm.
 | – HS **giải thích** cách làm. Ví dụ: Tổng của 52,7 và 34,3 là một số tự nhiên. Tổng của 52,7 và 34,3 là một số tự nhiên.1. 52,7 + 21,9 + 34,3

= (52,7 + 34,3) + 21,9= 87 + 21,9 = 108,9… |
| Bài 3: | * HS **xác định** bài toán **cho biết gì**, bài toán hỏi gì.
* HS **thực hiện** cá nhân.

Bài giải894,8 + 104,8 = 999,6Năm 2021, sản lượng xoài của nước ta khoảng 999,6 nghìn tấn.894,8 + 999,6 = 1 894,4Cả hai năm, sản lượng xoài của nước ta khoảng 1 894,4 nghìn tấn. |
| -Sửa bài, GV **khuyến khích** HS nói **các bước** thực hiện. | * HS nói **các bước** thực hiện. Ví dụ:
* Bước 1: Tìm **sản lượng** xoài của nước ta năm 2021.
* Bước 2: Tìm **tổng** sản lượng xoài của nước ta cả hai năm.
 |
| **Vui học** | * HS **đọc** yêu cầu.
* HS thảo luận (nhóm bốn) **tìm hiểu** bài, tìm cách làm:
* Bước 1: **Tìm** tổng khối lượng của ba trái xoài.
* Bước 2: **So sánh** với khối lượng của con gà

🡪 Trả lời.* HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm. Cả ba trái xoài **nặng hơn** con gà.

HS nói cách làm. |
| * Sửa bài, GV cho HS **trình bày** theo nhóm,

**khuyến khích** HS nói cách làm. | * Ví dụ:

0,62 kg + 0,7 kg + 0,78 kg = 2,1 kg 2,1 kg > 2kg |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………..…………………………………………………..

……………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………….